

vực nhà ở thuộc diện được bán và công bố rộng rãi cho nhân dân biết.

Đối với những nhà ở thuộc diện không được bán thì phải lập dự án cải tạo, xây dựng lại để sử dụng có hiệu quả và thực hiện chỉnh trang đô thị.

Đối với nhà ở nhiều tầng, nhiều hộ ở cấu trúc kiểu căn hộ không khép kín thì phải cải tạo, sửa chữa bảo đảm tiện nghi sử dụng thành căn hộ khép kín rồi mới tiến hành bán.

4. Các cơ quan hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang, đoàn thể nhân dân, tổ chức chính trị, xã hội, các doanh nghiệp nhà nước đang quản lý nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước thuộc diện được bán phải khẩn trương phối hợp với các địa phương làm tốt các thủ tục cần thiết theo quy định, để đẩy nhanh tiến độ bán nhà ở cho người đang thuê.

5. Để bảo đảm tiến độ bán nhà ở theo Nghị định số 61-CP ngày 5-7-1994 và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo Nghị định số 60-CP ngày 5-7-1994, phục vụ yêu cầu quản lý xây dựng tại đô thị, phải đẩy mạnh việc xác lập hồ sơ địa chính theo các nguyên tắc sau:

- Ở những nơi đã có bản đồ địa chính thì căn cứ vào bản đồ đó để trích thửa.

- Ở những nơi chưa có bản đồ địa chính nhưng đã có bản đồ giải thửa cũ thì được căn cứ vào bản đồ đó để trích thửa sau khi đã kiểm tra lại.

- Ở những nơi đã có bản đồ quy hoạch chi tiết khi giao đất cho nhân dân làm nhà ở thì được căn cứ vào bản đồ đó để trích thửa sau khi đã kiểm tra thực tế.

- Đối với những trường hợp khác, ngành Địa chính phải có giải pháp tạm thời, xác định vị trí, diện tích của khuôn viên đất ở (nếu có) một cách đơn giản để thực hiện việc bán nhà để dân, thuận tiện; sau đó tiếp tục đo vẽ chính xác theo quy định của ngành Địa chính để làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính thức cho nhân dân.

Việc xác lập hồ sơ địa chính rất phức tạp, khối lượng lớn, vì vậy ngoài lực lượng đo vẽ bản đồ của ngành Địa chính, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải có biện pháp huy động nhiều lực lượng đo vẽ bản đồ của các ngành Xây dựng, Giao thông, Nông nghiệp, Địa chất, Quốc phòng... trên địa bàn, có sự quản lý Nhà nước thống nhất của ngành Địa chính. Nhất thiết không để vấn đề lập hồ sơ địa chính trở thành trở ngại làm kéo dài việc tổ chức thực hiện Nghị định số 60-CP và số 61-CP ngày 5-7-1994.

6. Tiền bán nhà ở phải được sử dụng theo đúng quy định tại Nghị định số 61-CP ngày 5-7-1994. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần khẩn trương xây dựng các dự án cải tạo, sửa chữa và phát triển nhà ở để sử dụng tiền bán nhà ở có hiệu quả.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này. Nếu có gì khó khăn vướng mắc phải kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 195-TTg ngày 8-4-1996 ban hành Quy chế về Cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để tăng cường quản lý hoạt động của Cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 - Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về Cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế.

Điều 2 - Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký; các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng Bộ Thương mại, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3 - Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHAI

QUY CHẾ về Cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế

(ban hành kèm theo Quyết định số 195-TTg ngày 8-4-1996 của Thủ tướng Chính phủ.)

Điều 1.-

1. Cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế là cửa hàng bán hàng nhập khẩu được miễn thuế nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Cửa hàng miễn thuế) cho các đối tượng và tại các khu vực quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

2. Hoạt động của Cửa hàng miễn thuế chịu sự kiểm tra, giám sát trực tiếp của Bộ Thương mại và Hải quan Việt Nam.

3. Ưu tiên cho các doanh nghiệp trong nước liên doanh đầu tư xây dựng Cửa hàng miễn thuế và tạo nguồn hàng để kinh doanh.

Điều 2.- Quy định chung về điều kiện và hồ sơ xin phép mở Cửa hàng miễn thuế:

1. Các doanh nghiệp muốn mở Cửa hàng miễn thuế phải có giấy phép kinh doanh do Bộ Thương mại cấp.

2. Điều kiện để doanh nghiệp được xét cấp Giấy phép kinh doanh hàng miễn thuế gồm:

a) Doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, hoạt động tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cửa khẩu quốc tế (sân bay, cảng biển, đường sắt, đường bộ), nơi có lưu lượng khách xuất cảnh, nhập cảnh vượt quá 15.000 lượt người/năm. Việc kinh doanh hàng miễn thuế phải phù hợp với đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Có đủ điều kiện về vốn, cơ sở vật chất bao gồm hệ thống cửa hàng, kho hàng đúng tiêu chuẩn, thuận tiện cho việc bán hàng và việc giám sát, quản lý của Hải quan.

c) Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ quản lý, bán hàng.

d) Có nguồn hàng ổn định.

3. Nếu hội đủ các điều kiện nêu tại Khoản 2 của Điều này và có nhu cầu mở Cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế thì doanh nghiệp gửi đơn xin phép kinh doanh đến Bộ Thương mại.

Hồ sơ xin phép gồm:

- Đơn xin kinh doanh hàng miễn thuế.
- Bản sao Quyết định thành lập doanh nghiệp,
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp,
- Các chứng từ cần thiết để giải trình các điều kiện nêu tại Khoản 2 của Điều này,

- Văn bản của Tổng cục Hải quan; cơ quan quản lý khu vực mở Cửa hàng (sân bay, cảng biển, nhà ga...) chấp nhận vị trí đặt Cửa hàng miễn thuế,

- Đề án hợp tác với công ty nước ngoài (nếu có).

4. Bộ Thương mại chịu trách nhiệm xem xét hồ sơ và cấp giấy phép kinh doanh hàng miễn thuế, phù hợp với nhu cầu từng khu vực, từng địa điểm quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

5. Các doanh nghiệp Việt Nam đã được phép mở Cửa hàng miễn thuế hoặc đã được phép hợp tác với các công ty nước ngoài để kinh doanh hàng miễn thuế, được tiếp tục kinh doanh theo giấy phép đã được cấp và chịu trách nhiệm thực hiện mọi quy định của Quy chế này.

Điều 3.- Quy định về vị trí đặt Cửa hàng miễn thuế:

1. Khu cách ly nhà ga đi của các sân bay quốc tế, các cảng biển quốc tế, các cửa khẩu quốc tế đường bộ và đường sắt, nếu đủ điều kiện, được phép mở Cửa hàng miễn thuế để phục vụ khách xuất cảnh và khách quá cảnh (bao gồm cả người điều khiển phương tiện vận chuyển và nhân viên phục vụ trên phương tiện vận chuyển).

2. Trên các chuyến bay quốc tế của Hãng không Việt Nam hoặc của các Hãng Hàng không được thành lập theo pháp luật Việt Nam, được bán hàng miễn thuế phục vụ hành khách trên máy bay và phi hành đoàn.

3. Việc mở Cửa hàng miễn thuế phục vụ khách nhập cảnh (bao gồm cả phi hành đoàn và tiếp viên trên các chuyến bay quốc tế) tại một số sân bay quốc tế; Cửa hàng miễn thuế trong nội thành (Downtown Duty Free Shop) cho các đối tượng chờ xuất cảnh và Cửa hàng miễn thuế cho các đối tượng ngoại giao đoàn thuộc Nghị định số 73-CP ngày 30-7-1994 của Chính phủ, do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và các Bộ, ngành liên quan.

4. Vị trí cụ thể của Cửa hàng miễn thuế nêu tại Khoản 3 của Điều này phải được Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chấp thuận; vị trí đặt kho chuyên dùng cho hàng miễn thuế phải được Hải quan tỉnh, thành phố chấp thuận và phải chịu sự kiểm tra, giám sát trực tiếp của Hải quan.

Điều 4.- Quy định về hàng hóa bán tại Cửa hàng miễn thuế gồm:

1. Hàng hóa kinh doanh tại Cửa hàng miễn thuế là hàng nhập khẩu phục vụ kinh doanh miễn thuế được Bộ Thương mại duyệt theo quy định hiện hành.

2. Ngoài hàng nhập khẩu phục vụ kinh doanh miễn thuế, khuyến khích Cửa hàng miễn thuế bán hàng sản xuất tại Việt Nam và hàng đã nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam, đang lưu thông hợp

pháp trên thị trường Việt Nam. Các mặt hàng này được coi là hàng xuất khẩu và phải tuân thủ chính sách mặt hàng xuất khẩu theo quy định quản lý xuất nhập khẩu hiện hành.

3. Thủ tục chuyển hàng vào kho và đưa hàng từ kho ra Cửa hàng miễn thuế do Tổng cục Hải quan quy định.

4. Hàng nhập khẩu phục vụ kinh doanh miễn thuế phải dán tem "VIETNAM DUTY NOTPAID" do Bộ Tài chính phát hành hoặc do doanh nghiệp phát hành nhưng được Bộ Tài chính chấp thuận.

5. Hàng nhập khẩu phục vụ kinh doanh miễn thuế do Bộ Thương mại duyệt, nếu tồn kho lâu ngày không tiêu thụ được và doanh nghiệp có đề nghị xử lý (hủy bỏ, nộp thuế nhập khẩu để chuyển sang tiêu thụ nội địa, hoặc tái xuất khẩu) thì phải được xác nhận cụ thể của Hải quan, chủ doanh nghiệp và phải được Bộ Thương mại cho phép. Trong trường hợp này, Bộ Thương mại phải kiểm tra chặt chẽ để tránh việc lợi dụng kinh doanh hàng miễn thuế để đưa hàng tiêu dùng thuộc danh mục hàng hạn chế nhập khẩu vào nội địa quá mức quy định. Không được phép xử lý theo hình thức tiêu thụ nội địa đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm nhập khẩu.

Trường hợp hàng đổ vỡ hoặc hàng hóa bị hư hỏng nghiêm trọng phải lập biên bản có chứng nhận Hải quan và xử lý hủy bỏ dưới sự giám sát của Hải quan mà không cần Bộ Thương mại cho phép.

Điều 5.- Quy định về thủ tục bán hàng và các nghĩa vụ nộp thuế tại Cửa hàng miễn thuế gồm:

1. Điều kiện và thủ tục bán hàng:

a) Bán hàng cho khách xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh quy định tại Điều 3 của Quy chế này, khi khách xuất trình hộ chiếu hợp lệ.

b) Bán trực tiếp cho khách trên các chuyến bay quốc tế của Hãng không Việt Nam, hoặc của các hãng hàng không được thành lập theo luật pháp Việt Nam.

c) Các đối tượng được hưởng tiêu chuẩn miễn trừ khi mua hàng miễn thuế phải xuất trình sổ mua hàng kèm theo hộ chiếu hoặc chứng minh thư do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp nếu mua hàng cho cá nhân; sổ mua hàng kèm theo công hàm hoặc giấy giới thiệu của cơ quan nếu mua hàng cho cơ quan.

d) Khách nước ngoài, Việt kiều và người Việt Nam chờ xuất cảnh nêu tại Điều 3 của Quy chế này phải xuất trình hộ chiếu, vé đã đăng ký ngay xuất cảnh để đăng ký mua hàng. Hàng được nhận tại cửa khẩu xuất cảnh khi khách đã làm xong thủ tục xuất cảnh.

đ) Hàng miễn thuế chỉ như cầu sinh hoạt của thủy thủ có thể bán theo đơn hàng của thuyền trưởng. Hàng phải được niêm phong nguyên đai, nguyên kiện, có Hải quan áp tải lên tàu biển trước khi tàu rời cảng.

e) Các đối tượng được hưởng tiêu chuẩn miễn trừ được mua hàng theo định lượng do luật pháp Việt Nam quy định; khách nhập cảnh được mua theo định lượng quy định đối với các mặt hàng Nhà nước quy định định lượng tiêu chuẩn hành lý miễn thuế cho khách xuất, nhập cảnh. Thủy thủ xuất cảnh được mua hàng theo nhu cầu hợp lý của cá nhân có tính đến thời gian của chuyến đi.

Các đối tượng khác được mua không hạn chế số lượng và tự chịu trách nhiệm trong việc tuân thủ các quy định về thủ tục xuất nhập khẩu cũng như các quy định về định lượng được phép xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Hàng nhập khẩu của các Cửa hàng miễn thuế do Bộ Thương mại duyệt được miễn thuế nhập khẩu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; nếu tồn kho, ứ đọng và được phép xử lý theo hình thức tiêu thụ nội địa nêu tại Điều 4 của Quy chế này thì phải nộp đủ thuế theo luật định.

Hàng sản xuất tại Việt Nam và hàng nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam nêu tại Điều 4 của Quy chế này phải nộp thuế xuất khẩu (nếu có) khi bán cho khách xuất cảnh, quá cảnh.

3. Các nghĩa vụ thuế khác, thủ tục kê khai nộp thuế, thanh quyết toán thuế cũng như các chế độ kế toán tài chính khác, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Riêng hóa đơn bán hàng, nếu sử dụng loại hóa đơn đặc thù thì phải được Bộ Tài chính chấp thuận.

Điều 6.- Định kỳ ba tháng, sáu tháng và hàng năm, doanh nghiệp kinh doanh Cửa hàng miễn thuế báo cáo hoạt động bán hàng miễn thuế với Bộ Thương mại, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan và các ngành liên quan.

Điều 7.- Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với quy định của Quy chế này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHAI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 201-TTg ngày 9-4-1996 về chế độ trợ cấp khó khăn năm 1996.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992.